TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 05/5/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Đạt và ông Phạm Công Gia

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 14/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Vũ T** – sinh năm 1970 và bà **Lê Thị T** – sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp NLx, xã PX, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn L** – sinh năm 1967 và bà **Nguyễn Thị Thanh Th** – sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp TT3, xã PL, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh **Trần Phát T** – sinh năm 1991 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2022)

Địa chỉ: Số y, ấp ĐT, xã TS, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị **Vũ Kiều Thùy L** – sinh năm 1994

2/ Anh **Vũ Đức L** – sinh năm 1999

3/ Chị **Vũ Kiều Thùy L1** – sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp NLx, xã PX, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T, bà T, chị L, anh L, chị L1 và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông L, bà Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ T và bà Lê Thị T (do anh Trần Phát T là người đại diện) trình bày:

Nguyên đơn ông T, bà T có quen biết vợ chồng ông L và bà Th. Ngày 02/10/2020, ông L và bà Th có nói cần tiền để kinh doanh nên có vay ông T, bà T số tiền là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) với lãi suất là 1%/tháng, thời hạn cho vay là 12 tháng. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ thì ông L và bà Th không thanh toán nợ gốc và lãi.

Ông T, bà T khởi kiện yêu cầu ông L và bà Th có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và lãi suất 1%/tháng tạm tính là 21.700.000 đồng, tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngoài lần vay đã khởi kiện thì ngày 18/12/2020, ông L, bà Th còn vay của ông T, bà T số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) để làm ăn kinh doanh với lãi suất là 1%/tháng; thời hạn cho vay là 12 tháng tính từ ngày 18/12/2020 theo "Hợp đồng vay" ngày 18/12/2020; đến nay, ông bà cũng chưa trả xong tiền lãi và tiền gốc. Tuy nhiên, phía ông T, bà T chưa khởi kiện số tiền này vì sẽ thỏa thuận riêng với ông L, bà Th.

Đối với việc ông L, bà Th cho rằng trả tiền chuyển khoản cho ông T thông qua số tài khoản của con ông T thì ông T, bà T không đồng ý, không thừa nhận.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Ông L, bà Th thừa nhận có vay tiền của ông T, bà T và có nợ số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng), gồm 02 lần cụ thể như sau:

Lần 01: Ngày 02/10/2020, ông bà cần tiền để kinh doanh nên có vay ông T, bà T số tiền là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) với lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 02/10/2020 theo "Hợp đồng vay" ngày 02/10/2020 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lại Thị Kim Sơn.

Lần 02: Ngày 18/12/2020, bà Th vay của ông T, bà T số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) để làm ăn kinh doanh với lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 18/12/2020 theo "Hợp đồng vay" ngày 18/12/2020. Đến nay, ông bà cũng chưa trả xong tiền lãi và tiền gốc.

Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông L và bà Th chưa thanh toán xong tiền lãi và tiền gốc; ông bà là vợ chồng có đăng ký kết hôn, đối với việc vay để làm ăn chung nên đồng ý cùng có trách nhiệm trả tiền.

Đối với số tiền gốc đã trả là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi đã trả cho đến hết tháng 9/2022 thông qua chuyển khoản đến số tài khoản của con ông T. Ngoài ra, thực tế các bên thỏa thuận tiền lãi của số tiền gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) là 3%/tháng, tiền lãi của số tiền gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) là 4,5%/tháng; tuy nhiên đối với các số tiền lãi này ông bà không đề nghị xem xét lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không cần phải chứng minh.

Như vậy, bà Th và ông L đồng ý có nghĩa vụ trả cho ông T, bà T số tiền nợ gốc chưa trả còn lại 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi 1%/tháng là từ tháng 10/2022 cho đến nay.

Sự việc các bên thỏa thuận vay tiền không có liên quan đến người nào khác nên ông bà không đề nghị đưa ai khác tham gia tố tụng, không có yêu cầu phản tố.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Kiều Thùy L, anh Vũ Đức L và chị Vũ Kiều Thùy L1 trình bày:

Chị L, anh L và chị L1 là con của ông T, bà T. Anh chị không chứng kiến các bên đương sự vay tiền, nhận tiền, trả tiền; anh chị hoàn toàn không nhận hoặc thỏa thuận bất kỳ số tiền nào kể cả chuyển khoản từ ông L, bà Th hoặc ai khác mà liên quan đến vụ án; anh chị không liên quan quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với số tiền gốc, lãi tranh chấp trong vụ án. Việc nguyên đơn khởi kiện thì anh chị không ý kiến, yêu cầu gì. Việc ông L, bà Th cho rằng chuyển khoản thì anh chị không thừa nhận.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho đương sự. Các đương sự không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ông L, bà Th được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa; các đương sự khác có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và lãi suất 1%/tháng đến khi giải quyết xong vụ án.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh Th có nơi cư trú tại xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Ông Vũ T và bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ông L, bà Th có nghĩa vụ trả số tiền đã vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông T, bà T là người khởi kiện ông L, bà Th nên xác định tư cách đương sự ông T, bà T là nguyên đơn, ông L, bà Th là bị đơn, diễn biến vụ việc trình bày có liên quan đến chị Vũ Kiều Thùy L, anh Vũ Đức L và chị Vũ Kiều Thùy

L1 nên xác định tư cách đương sự chị L, anh L và chị L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Văn bản "Hợp đồng vay" ngày 02/10/2020 có thời hạn 12 tháng. Đến ngày 15/11/2022, ông T, bà T nộp đơn yêu cầu khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông T, bà T, chị L, anh L, chị L1 và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông L, bà Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Ông T, bà T khởi yêu cầu ông L, bà Th có nghĩa vụ trả cho ông T, bà T số tiền gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và lãi suất 1%/tháng đến khi giải quyết xong vụ án theo "Hợp đồng vay" ngày 02/10/2020.

[2.1] "Hợp đồng vay" ngày 02/10/2020 là giao dịch dân sự do các bên ông T, bà T và ông L, bà Th tự nguyện ký kết, có năng lực hành vi dân sự, mục đích và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận toàn bộ nội dung vay tiền theo thỏa thuận đã ký kết.

[2.2] Đối với việc ông L, bà Th trình bày ngoài ra còn vay của ông T, bà T số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) để làm ăn kinh doanh với lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 18/12/2020 theo "Hợp đồng vay" ngày 18/12/2020; tuy nhiên do ông T, bà T chưa yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Đối với việc ông L, bà Th cho rằng thực tế thỏa thuận tiền lãi của số tiền gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) là 3%/tháng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không đề nghị xem xét lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét buộc ông L, bà Th trả tiền lãi theo thỏa thuận với lãi suất là 1%/tháng.

[2.4] Đối với việc ông L, bà Th cho rằng số tiền gốc đã trả là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi đã trả cho đến hết tháng 9/2022 trên tổng số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng) thông qua chuyển khoản đến số tài khoản của con ông T nhưng ông T, bà T và các con là chị L, anh L, chị L1 không đồng ý, không thừa nhận. Tòa án đã ban hành quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng ông L, bà Th không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh, vì vậy không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.5] Cụ thể tiền lãi được tính như sau: 2.000.000.000đ x 1%/tháng x 02 năm 07 tháng 03 ngày (ngày 02/10/2020 đến 05/5/2023) = 622.000.000đ (Sáu trăm hai mươi hai triệu đồng).

Tổng số tiền gốc, lãi được tính là: 2.000.000.000đ + 622.000.000đ = 2.622.000.000đ (Hai tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu đồng).

[3] Đối với nghĩa vụ thực hiện, ông L, bà Th đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, Điều 469 và Điều 470 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn ông L, bà Th không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L, anh L, chị L1 không có yêu cầu độc lập.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả số tiền gốc, lãi của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông L và bà Th phải chịu (72.000.000đ + 2% x 622.000.000đ) = 84.440.000đ (Tám mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông T, bà T số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 223, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ T và bà Lê Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh Th.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vũ T và bà Lê Thị T số tiền nợ gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và tiền lãi 622.000.000đ (Sáu trăm hai mươi hai triệu đồng), tổng số tiền là 2.622.000.000đ (Hai tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông L và bà Th phải chịu 84.440.000đ (Tám mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông T, bà T số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002980 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng